TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình – ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Kim P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số A, đường B, Tổ D, khóm T, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đỗ Hữu Phát Đ, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số E, đường L, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn Trần Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hữu Phát Đ kết hôn vào tháng 12/2019, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh Đ đã không sống chung từ tháng 01/2022 cho đến nay. Chị và anh Đ đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hữu Phát Đ.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Hữu Phát Đ có 02 con chung, gồm: Trần Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2020 và Trần Đỗ Phát T, sinh ngày 09/9/2021.

Hiện nay, hai con chung Trần Đỗ Quỳnh A, Trần Đỗ Phát T đang sống với chị Trần Kim P. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Đỗ Quỳnh A và Trần Đỗ Phát T. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn anh Đỗ Hữu Phát Đ trình bày tại phiên tòa:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P chung sống từ năm 2019, không có đăng ký kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung, gồm Trần Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2020 và Trần Đỗ Phát T, sinh ngày 09/9/2021.

Hiện nay, hai con chung Trần Đỗ Quỳnh A, Trần Đỗ Phát T đang sống với chị Trần Kim P. Sau khi ly hôn, anh thống nhất giao 02 con chung Trần Đỗ Quỳnh A và Trần Đỗ Phát T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất theo lời trình bày của chị Trần Kim P. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Trần Kim P yêu cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung với anh Đỗ Hữu Phát Đ, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đỗ Hữu Phát Đ có địa chỉ tại phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim P và anh Đỗ Hữu Phát Đ chung sống với nhau từ năm 2019 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị P và anh Đ không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này". Do đó, mặc dù chị P và anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng không thể ghi nhận mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Trần Kim P và anh Đỗ Hữu Phát Đ là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Trần Kim P và anh Đỗ Hữu Phát Đ thống nhất, tự xác định anh chị có 02 con chung, gồm: Trần Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2020 và Trần Đỗ Phát T, sinh ngày 09/9/2021.

Hiện nay, hai con chung Trần Đỗ Quỳnh A, Trần Đỗ Phát T đang sống với chị Trần Kim P. Sau khi ly hôn, chị P và anh Đ thống nhất giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung, anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời từ khi chị P và anh Đ không còn sống chung thì hai con chung do chị Phụng trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển tốt về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh Đ thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Kim P và anh Đỗ Hữu Phát Đ là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trần Kim P và anh Đỗ Hữu Phát Đ, giao hai con chung Trần Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2020 và Trần Đỗ Phát T, sinh ngày 09/9/2021 cho chị Trần Kim P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Kim P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012162 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Kim P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con

Anh Đỗ Hữu Phát Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo